

buôn lậu trong mỗi ngành được quy định tại Tiết 1 Điểm C Mục III của Thông tư liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ - Bộ Thương mại - Tổng cục Hải quan số 7/1997/TTLT/BTC-BNV-BTM-TCHQ ngày 21-10-1997. Cơ quan cấp trên trực tiếp của Chi cục quản lý thị trường là Cục quản lý thị trường; cơ quan cấp trên trực tiếp của Cục thuế là Tổng cục Thuế....

Trường hợp có nhiều ngành cùng phối hợp tham gia chống buôn lậu thì nộp lên cơ quan cấp trên trực tiếp của đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện vụ chống buôn lậu.

Số tiền thưởng và bổ sung kinh phí cho các đơn vị cuối năm không sử dụng hết được kết chuyển sang năm sau để sử dụng tiếp”.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký; đồng thời những quy định nêu tại Tiết a của Điểm 3 thuộc Mục III tại Thông tư số 9/1998/TT-BTC ngày 20-1-1998 của Bộ Tài chính hết hiệu lực thi hành.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
Thủ trưởng

VŨ MỘNG GIAO

**THÔNG TƯ số 48/1998/TT-BTC ngày 11-4-1998 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 75A-TC/TCT ngày 31-8-1993 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 57-CP ngày 28-8-1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế lợi tức và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế lợi tức.**

*Căn cứ Luật Thuế lợi tức được Quốc hội Khóa VIII thông qua ngày 30-6-1990; Luật sửa đổi, bổ*

*sung một số điều của Luật Thuế lợi tức được Quốc hội Khóa IX thông qua ngày 6-7-1993;*

*Căn cứ Nghị định số 57-CP ngày 28-8-1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế lợi tức và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế lợi tức;*

*Căn cứ Nghị định số 59-CP ngày 3-10-1996 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 114/1997/NĐ-CP ngày 16-12-1997 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 57-CP ngày 28-8-1993;*

*Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung, sửa đổi Thông tư số 75A-TC/TCT ngày 31-8-1993 như sau:*

**1. Sửa đổi phần căn cứ tính thuế của Thông tư như sau:**

**Mục II.2. Về doanh thu để tính lợi tức chịu thuế.**

Doanh thu để tính lợi tức chịu thuế là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền hoa hồng, tiền dịch vụ (kể cả phụ thu, trợ giá mà doanh nghiệp được hưởng nếu có) và các khoản thu khác chưa trừ một khoản phí tổn nào của cơ sở kinh doanh phát sinh trong kỳ tính thuế. Đối với hoạt động giao khoán trong sản xuất nông nghiệp, doanh thu là tiền thu về trong các hình thức giao khoán cho cán bộ, công nhân viên (kể cả thu bằng sản phẩm) ở các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp.

Doanh thu đối với sản phẩm hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt để tính lợi tức chịu thuế là doanh thu bán hàng có cả thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu đối với hình thức trả trước một số năm của hoạt động cho thuê nhà, cho thuê tài sản cố định là số tiền thu trước một số năm.

0935996

www.ThuVnPhapLuat.vn  
Tel: 84-8-384 6684

**Mục II.3.a. Chi phí khấu hao tài sản cố định.**

Các doanh nghiệp phải thực hiện đăng ký với cơ quan thuế trực tiếp quản lý danh mục tài sản cố định, thời gian sử dụng và thời gian trích khấu hao của từng loại tài sản cố định để trích khấu hao.

Nguyên giá tài sản cố định, thời gian sử dụng tài sản cố định, phương pháp trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo Quyết định số 1062-TC/QĐ/CSTC ngày 14-11-1996 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định.

- Tài sản cố định thuộc tất cả các nguồn vốn đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng thì không được trích khấu hao tài sản cố định vào giá thành sản xuất, kinh doanh.

- Các chi phí doanh nghiệp chi ra để nâng cấp tài sản cố định được phản ánh tăng nguyên giá của tài sản cố định đó, không được hạch toán các chi phí này vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

- Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được tính hoặc phân bổ dần vào chi phí hợp lý là số thực chi hợp lý về sửa chữa tài sản cố định trong kỳ:

+ Sửa chữa tài sản cố định thuê ngoài tính theo số tiền thực tế thanh toán theo hợp đồng với người nhận thầu.

+ Sửa chữa tài sản cố định tự làm tính theo chi phí thực tế hợp lý phát sinh.

Đối với một số ngành đặc thù mà chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh không đều giữa các kỳ, các năm, nếu doanh nghiệp muốn trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định vào chi phí kinh doanh thì phải lập kế hoạch trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định và trình Bộ Tài chính xem xét quyết định, doanh nghiệp phải thông báo cho cơ quan thuế trực tiếp quản

lý biết sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính.

Doanh nghiệp phải quyết toán chi phí sửa chữa thực tế phát sinh với chi phí sửa chữa đã trích trước, nếu chi phí sửa chữa lớn hơn số chi phí đã trích trước thì phần chênh lệch được hạch toán hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ, nếu chi phí sửa chữa thực tế nhỏ hơn số chi phí đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong kỳ.

Các doanh nghiệp thuộc các ngành đặc thù nếu áp dụng phương pháp phân bổ chi phí sửa chữa tài sản cố định vào các kỳ kinh doanh tiếp theo, doanh nghiệp cũng phải lập kế hoạch phân bổ chi phí sửa chữa tài sản cố định và thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp biết.

**Mục II.3.c. Chi phí tiền lương, tiền công:**

Chi phí tiền lương, tiền công được tính trên cơ sở số lượng lao động của cơ sở và lương cấp bậc, phụ cấp lương (nếu có) theo chế độ hiện hành gắn với kết quả sản xuất, kinh doanh của cơ sở, cụ thể là:

- Đối với doanh nghiệp nhà nước căn cứ Nghị định số 28-CP ngày 28-3-1997 của Chính phủ về đổi mới quản lý tiền lương, thu nhập trong các doanh nghiệp nhà nước. Thông tư số 13/LĐ-TBXH-TT ngày 10-4-1997 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện phương pháp xây dựng đơn giá tiền lương và quản lý tiền lương, thu nhập trong doanh nghiệp nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

- Đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh phải đăng ký đơn giá tiền lương với cơ quan trực tiếp quản lý thuế như đã quy định tại Thông tư số 20/LB-TT ngày 2-6-1993 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính hướng dẫn thực hiện quản lý tiền lương, tiền thưởng trong

các doanh nghiệp, cụ thể phải có các tài liệu sau:

+ Đơn giá tiền lương (theo mẫu quy định tại Thông tư số 20/LB-TT ngày 2-6-1993 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính) và thuyết minh phương pháp tính toán cụ thể.

+ Tổng số lao động đang sử dụng, trong đó số đã ký hợp đồng lao động; báo cáo quỹ tiền lương, quỹ tiền thưởng và thu nhập khác có tính chất lương (theo mẫu quy định tại Thông tư liên Bộ số 20/LB-TT ngày 2-6-1993).

Trường hợp doanh nghiệp không đăng ký đơn giá tiền lương, cơ quan thuế được phép ấn định chi phí tiền lương theo quy định tại Nghị định số 26-CP ngày 23-5-1993 của Chính phủ để làm căn cứ xác định lợi tức chịu thuế.

- Đối với các cơ sở kinh tế ngoài quốc doanh (hợp tác xã, tổ sản xuất, xí nghiệp tư nhân, hộ cá thể, công ty cổ phần) tiền lương, tiền công của lao động được tính vào chi phí theo đơn giá tiền công, tiền lương sản phẩm và theo hợp đồng thỏa thuận giữa người lao động với các doanh nghiệp.

Để bảo đảm sự công bằng, hợp lý, Cục thuế tỉnh, thành phố có thể căn cứ vào chế độ tiền lương áp dụng đối với xí nghiệp quốc doanh, tình hình giá cả để tính định mức tiền lương, tiền công cho từng ngành, nghề trình Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố quyết định trong từng thời kỳ cụ thể.

- Việc xác định chi phí tiền lương, tiền công được trừ để xác định lợi tức chịu thuế phải căn cứ đơn giá tiền lương đã đăng ký với cơ quan thuế để loại trừ những yếu tố do nguyên nhân khách quan. Và phải đảm bảo tỷ lệ tăng giữa tiền lương thực hiện và tiền lương đăng ký không cao hơn tỷ lệ tăng giữa lợi nhuận thực hiện với lợi nhuận đã đăng ký khi xây dựng đơn giá tiền lương.

- Chủ hộ tư nhân kinh doanh được hưởng toàn

bộ thu nhập do kết quả kinh doanh đem lại sau khi đã trừ các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ và nộp các khoản thuế theo quy định (bao gồm cả thuế lợi tức). Do đó tiền lương, tiền công đối với chủ hộ tư nhân kinh doanh không được xác định là chi phí khi xác định lợi tức chịu thuế.

## **2. Bổ sung quy định về chi phí của phần căn cứ tính thuế của Thông tư như sau:**

### **Mục II.3.d:**

- Chi phí dự phòng:

Đối với doanh nghiệp nhà nước, được trích trước vào chi phí khoản dự phòng theo quy định tại Thông tư số 64-TC/TCDN ngày 15-9-1997 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng công nợ khó đòi, dự phòng giảm giá chứng khoán tại doanh nghiệp nhà nước. Đối với các tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh, không trích trước vào chi phí khoản dự phòng, nhưng được hạch toán vào chi phí khoản nợ không đòi được trong các trường hợp:

+ Đối với con nợ là pháp nhân:

. Các quyết định của tòa án cho xử lý phá sản doanh nghiệp theo Luật Phá sản doanh nghiệp.

. Các quyết định của cơ quan có thẩm quyền về giải thể doanh nghiệp như đã quy định tại Nghị định số 50/CP ngày 28-6-1996 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức lại, giải thể và phá sản đối với doanh nghiệp nhà nước và Thông tư số 25-TC/TCDN ngày 15-5-1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định trên.

. Các quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

+ Đối với con nợ là thể nhân:

. Con nợ còn tồn tại nhưng có đủ chứng cứ chứng minh không có tài sản cá nhân trả nợ.

Lệnh truy nã hoặc xác nhận của cơ quan pháp luật đối với những con nợ đã bỏ trốn hoặc đang thi hành án.

Con nợ đã chết và không có khả năng trả nợ, phải có xác nhận của chính quyền địa phương.

- Chi hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, y tế theo chế độ quy định.

### 3. Sửa đổi quy định về thuế suất của phần căn cứ tính thuế của Thông tư như sau:

#### Mục II.6.a. Thuế suất thuế lợi tức:

Thuế suất thuế lợi tức ổn định quy định tại Khoản 3, Điều 1 của Nghị định số 114/1997/NĐ-CP ngày 16-12-1997 của Chính phủ về sửa đổi Nghị định số 57-CP ngày 28-8-1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế lợi tức và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế lợi tức, được áp dụng như sau:

Đối tượng nộp thuế lợi tức theo thuế suất ổn định trên lợi tức chịu thuế cả năm đối với từng nhóm ngành nghề, gồm các cơ sở kinh doanh xác định được lợi tức chịu thuế (trừ hộ kinh doanh nhỏ và hộ buôn chuyến). Cụ thể là:

- Thuế suất 25% đối với các ngành:
  - + Sản xuất điện năng;
  - + Khai thác mỏ, khoáng sản, lâm sản, thủy sản, khai thác nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt;
  - + Luyện kim;
  - + Cơ khí chế tạo: máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và vật truyền dẫn;
  - + Sản xuất hóa chất cơ bản, sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu;
  - + Sản xuất vật liệu xây dựng;
  - + Xây dựng, kể cả khảo sát thiết kế, các dịch

vụ giám sát thi công;

+ Xây dựng cơ sở hạ tầng để cho thuê trong khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao;

+ Thủy nông;

+ Vận tải, kể cả bốc xếp tại các cảng, vận chuyển thu gom rác;

+ Xuất bản báo: Đối với hoạt động quảng cáo trên báo phải hạch toán riêng để nộp thuế lợi tức 45% lợi tức thu được từ hoạt động quảng cáo. Trường hợp hoạt động xuất bản báo bị lỗ thì được bù trừ lợi tức chịu thuế của hoạt động quảng cáo trên báo và nộp thuế lợi tức 45% trên số lợi tức chịu thuế còn lại;

+ Dạy học, dạy nghề;

+ Sản phẩm nông nghiệp do nông trường, lâm trường, trung tâm, trạm trại sản xuất và trực tiếp chế biến sản phẩm tự sản xuất như: trồng mía chế biến thành mật, trồng bông chế biến thành bông hạt, trồng cà phê bóc vỏ, rang, xay thành bột, chế biến mù cao su từ mù nước thành các loại mù khô sơ chế;

+ Lãi trái phiếu, tín phiếu kho bạc;

- Thuế suất 35% đối với các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm, chế biến lương thực và sản xuất khác;

- Thuế suất 45% đối với các ngành thương nghiệp, ăn uống và dịch vụ các loại;

Các hoạt động sửa chữa có các công việc mang tính chất công nghiệp như sửa chữa phương tiện vận tải, máy móc thiết bị thì căn cứ vào tính chất hoạt động để xếp vào ngành công nghiệp tương ứng.

Ví dụ: Sửa chữa tàu thủy, ô-tô thì được xếp vào thuế suất 25% của sản xuất phương tiện vận tải.

Các hoạt động sửa chữa phục vụ cho nhu cầu

tiêu dùng như sửa chữa điện dân dụng, sửa chữa đồ dùng điện tử, sửa chữa xe đạp, xe máy áp dụng thuế suất dịch vụ khác 45%.

Lợi tức khác được nộp thuế lợi tức theo thuế suất của hoạt động kinh doanh cơ bản. Trường hợp hoạt động kinh doanh cơ bản có áp dụng nhiều thuế suất, thì lợi tức khác được nộp thuế theo thuế suất của ngành nghề có lợi tức chịu thuế chiếm tỷ lệ cao nhất.

Cơ sở kinh doanh hoạt động nhiều nhóm ngành, nghề có thuế suất khác nhau phải hạch toán riêng lợi tức chịu thuế của từng ngành, nghề và áp dụng thuế suất thuế lợi tức theo từng ngành nghề. Trường hợp cơ sở không hạch toán riêng được lợi tức chịu thuế của từng ngành, nghề thì áp dụng thuế suất thuế lợi tức cao nhất của ngành, nghề có kinh doanh tính trên tổng số lợi tức chịu thuế của cơ sở.

#### **Mục II.6.b. Thuế suất thuế lợi tức bổ sung:**

Căn cứ vào Điều 6 Nghị định số 57-CP ngày 28-8-1993 của Chính phủ và quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 114/1997/NĐ-CP ngày 16-12-1997 của Chính phủ thì cơ sở kinh doanh ngoài việc phải nộp thuế lợi tức theo thuế suất ổn định như nói trên, nếu có lợi tức chịu thuế vượt trên mức quy định thì phải nộp thuế lợi tức bổ sung như sau:

- Doanh nghiệp nhà nước có lợi tức chịu thuế cao phải nộp thuế lợi tức bổ sung. Thuế lợi tức bổ sung tính trên phần lợi tức còn lại sau khi nộp thuế lợi tức theo thuế suất ổn định của ngành, nghề kinh doanh và trích lập 3 quỹ của doanh nghiệp (quỹ khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh, quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng).

+ Thuế suất thuế lợi tức bổ sung được áp dụng:

\* Thuế suất 30% đối với các ngành khai thác tài nguyên, sản xuất, xây dựng, vận tải.

\* Thuế suất 40% đối với ngành thương nghiệp, ăn uống, dịch vụ các loại.

+ Các cơ sở kinh doanh áp dụng thuế lợi tức bổ sung theo một thuế suất. Trường hợp cơ sở kinh doanh có nhiều ngành, nghề thì thuế suất lợi tức bổ sung được tính theo ngành, nghề kinh doanh có lợi tức chịu thuế cao nhất.

+ Căn cứ xác định thuế lợi tức bổ sung:

$$\begin{array}{l} \text{Thuế lợi tức} \\ \text{bổ sung} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi tức chịu} \\ \text{thuế bổ sung} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất} \\ \text{bổ sung} \end{array}$$
  

$$\begin{array}{l} \text{Lợi tức} \\ \text{chịu} \\ \text{thuế bổ} \\ \text{sung} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi} \\ \text{tức} \\ \text{chịu} \\ \text{thuế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Thuế lợi} \\ \text{tức phải} \\ \text{nộp theo} \\ \text{thuế} \\ \text{suất ổn} \\ \text{định} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Ba quỹ} \\ \text{của xí} \\ \text{ngành} \end{array}$$

\* Mức trích lập ba quỹ của doanh nghiệp làm căn cứ xác định lợi tức chịu thuế lợi tức bổ sung được quy định như sau:

Quỹ khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh tính bằng 50% số lợi tức chịu thuế còn lại sau khi đã trừ đi số thuế lợi tức tính theo thuế suất ổn định.

Quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng: tính bằng 30% tháng lương thực hiện của doanh nghiệp trên cơ sở chế độ tiền lương được Chính phủ quy định tại Nghị định số 28-CP ngày 28-3-1997 về đổi mới quản lý tiền lương, thu nhập trong các doanh nghiệp nhà nước và các văn bản hướng dẫn Nghị định này.

+ Trường hợp các cơ sở kinh doanh được trích các quỹ chuyên dùng: quỹ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính... thì nguồn trích lấy từ lợi tức còn lại sau khi nộp thuế lợi tức và thuế lợi tức bổ sung.

+ Lợi tức chia lãi cổ phần lấy từ lợi tức còn lại sau khi nộp thuế lợi tức theo thuế suất ổn định và thuế suất lợi tức bổ sung.

Ví dụ: Doanh nghiệp X có lợi tức chịu thuế như sau:

	Lợi tức chịu thuế (triệu đồng)	Thuế suất ổn định (%)	Thuế lợi tức (triệu đồng)
Kinh doanh cung ứng và dịch vụ	2.500	45	1.125
Kinh doanh vận tải	50	25	12,5
Sản xuất khác	80	35	28
Lợi tức khác	120	45	54
<b>Cộng</b>	<b>2.750</b>		<b>1.219,5</b>

+ Tổng quỹ lương thực tế hợp lý cả năm theo quy định: 864 triệu đồng.

+ Thuế lợi tức theo thuế suất ổn định: 1.219,5 triệu đồng.

+ Các quỹ xí nghiệp

$$\{(2.750\text{tr} - 1.219,5\text{tr}) \times 50\%\} + \frac{864\text{tr} \times 3}{12} = 981,2 \text{ triệu đồng.}$$

+ Thuế lợi tức bổ sung phải nộp (theo thuế suất của thương nghiệp dịch vụ):

$$(2.750\text{tr} - 1.219,5\text{tr} - 981,2\text{tr}) \times 40\% = 219,7 \text{ triệu đồng.}$$

+ Tổng cộng số thuế lợi tức phải nộp:

$$1.219,5 \text{ tr} + 219,7 \text{ tr} = 1.439,2 \text{ triệu đồng.}$$

- Các tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh như công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, kinh tế tập thể có huy động vốn góp từ các cá nhân, tổ chức kinh doanh, đại diện cho vốn góp của tổ chức hoặc tập thể và của các doanh nghiệp nhà nước, nếu lợi tức chịu thuế bình quân tháng của đầu người góp vốn trên 10 triệu đồng thì thuế

lợi tức bổ sung được nộp theo quy định sau:

Thuế lợi tức bổ sung được xác định căn cứ vào lợi tức chịu thuế bổ sung và thuế suất. Lợi tức chịu thuế bổ sung là lợi tức còn lại sau khi nộp thuế lợi tức theo thuế suất ổn định trừ (-) quỹ đầu tư bằng 50% của lợi tức còn lại sau khi nộp thuế lợi tức. Thuế suất thuế lợi tức bổ sung là 25%.

Ví dụ: Ngân hàng thương mại cổ phần A có 15 cổ đông trong đó 10 cổ đông tư nhân và 5 cổ đông đại diện cho tổ chức hoặc doanh nghiệp nhà nước, lợi tức chịu thuế năm 1997 là 2.000 triệu đồng, cách tính thuế lợi tức và thuế lợi tức bổ sung như sau:

1. Thuế lợi tức theo thuế suất ổn định:

$$2.000\text{tr.d} \times 45\% = 900 \text{ triệu đồng.}$$

2. Thuế lợi tức bổ sung:

Lợi tức chịu thuế bình quân tháng trên đầu người góp vốn là trên 11 triệu đồng (2.000tr.d / 15 cổ đông x 12 tháng). Vì vậy phải nộp thuế lợi tức bổ sung như sau:

+ Lợi tức còn lại sau khi nộp thuế lợi tức:

$$2.000\text{tr.d} - 900\text{tr.d} = 1.100 \text{ triệu đồng.}$$

+ Quỹ đầu tư được trừ khi tính thuế lợi tức bổ sung:

$$1.100\text{tr.d} \times 50\% = 550 \text{ triệu đồng.}$$

+ Thuế lợi tức bổ sung:

$$(1.100\text{tr.d} - 550\text{tr.d}) \times 25\% = 137,5 \text{ triệu đồng}$$

+ Tổng số thuế phải nộp:

$$900\text{tr.d} + 137,5 \text{ tr.d} = 1.037,5 \text{ triệu đồng.}$$

Cách xác định số thuế lợi tức phải nộp như trên chỉ áp dụng để tính thuế lợi tức bổ sung cho tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh.

- Công ty tư nhân, hộ tư nhân kinh doanh nếu có lợi tức chịu thuế bình quân tháng trên 10 triệu

đồng thì phần lợi tức chịu thuế vượt trên 10 triệu đồng phải nộp thuế lợi tức bổ sung 25%.

**4. Bổ sung vào cuối Điểm 4 Mục IV kê khai, nộp thuế, thu thuế của Thông tư như sau:**

- Kê khai nộp thuế lợi tức đối với đơn vị hạch toán độc lập: Đơn vị hạch toán độc lập có các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc đã thực hiện nộp thuế lợi tức tại chi nhánh, đơn vị phụ thuộc, khi quyết toán thuế được tổng hợp chung vào kết quả kinh doanh của đơn vị hạch toán độc lập. Trường hợp chi nhánh hoặc đơn vị phụ thuộc bị lỗ thì xác định số lỗ do nguyên nhân khách quan được bù trừ vào thu nhập chịu thuế của trụ sở chính, nếu còn lỗ thì được chuyển lỗ vào năm sau như quy định của Luật Thuế lợi tức.

- Các doanh nghiệp có hoạt động xây dựng cơ bản tự làm đối với các công việc sửa chữa, xây dựng trong nội bộ đơn vị kể cả việc trồng mới và chăm sóc vườn cây lâu năm, trong thời kỳ xây dựng cơ bản, hàng năm được trích một khoản là định mức hoặc một tỷ lệ (%) trên giá trị khối lượng xây dựng cơ bản như một khoản lợi nhuận để lập quỹ khen thưởng, phúc lợi. Khoản thu nhập được xác định là lợi nhuận và phải nộp thuế lợi tức trước khi phân phối cho cán bộ, công nhân viên.

- Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tài sản như: cho thuê nhà, văn phòng hoặc kinh doanh cơ sở hạ tầng có thu trước tiền thuê của nhiều năm thì doanh nghiệp phải hạch toán riêng và lợi tức chịu thuế lợi tức của doanh nghiệp được xác định như sau:

Lợi tức chịu thuế đối với doanh thu thu tiền trước	=	Tổng doanh thu thu tiền trước	-	Thuế doanh thu phải nộp đối với doanh thu thu tiền trước	-	Chi phí có liên quan
--	---	---	---	---	---	----------------------------

Chi phí có liên quan đến việc hình thành doanh thu chịu thuế được xác định như sau:

\* Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng hoặc chi phí xây dựng nhà cửa, văn phòng đối với các doanh nghiệp cho thuê nhà ở, văn phòng hoặc kinh doanh cơ sở hạ tầng:

+ Đối với hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng hoặc kinh doanh cho thuê nhà ở, văn phòng là các khoản chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng hoặc chi phí xây dựng nhà ở, văn phòng liên quan trực tiếp tới diện tích cho thuê thu tiền một lần. Đối với các trường hợp cho thuê thu tiền trước với thời hạn thuê ngắn hơn thời hạn sử dụng tối thiểu trong khung thời gian sử dụng tài sản cố định của bản Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 1062-TC/QĐ/CSTC ngày 14-11-1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì chi phí xây dựng được phân bổ theo thời hạn thuê thực tế. Các doanh nghiệp có thể đăng ký thời hạn sử dụng tài sản cố định phù hợp với quy định tại Quyết định số 1062-TC/QĐ/CSTC ngày 14-11-1996.

Ví dụ:

Doanh nghiệp A có chức năng cho thuê văn phòng, năm 1996 cho doanh nghiệp B thuê 1.000m<sup>2</sup> văn phòng trong 10 năm với số tiền thuê là 1.000.000 USD, cho doanh nghiệp C thuê 1.000 m<sup>2</sup> trong 30 năm với số tiền thuê 3.000.000 USD và cho doanh nghiệp D thuê 1.000 m<sup>2</sup> trong 30 năm với số tiền 3.000.000 USD. Giả sử chi phí xây dựng cho 1m<sup>2</sup> văn phòng cho thuê là 1.250 USD, thời gian sử dụng tối thiểu của nhà cửa loại kiên cố theo quy định của Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 1062-TC/QĐ/CSTC là 25 năm, chi phí xây dựng phân bổ cho các trường hợp được xác định như sau (giả sử doanh nghiệp A đăng ký thời gian khấu hao nhà cửa là 25 năm):

+ Đối với doanh nghiệp B thuê văn phòng, chi phí xây dựng được phân bổ để xác định lợi tức chịu thuế năm 1996 là:

$$\text{Chi phí xây dựng} = \frac{1.250\text{USD/m}^2 \times 1.000\text{m}^2}{25 \text{ năm}} \times 10 \text{ năm} = 500.000\text{USD}$$

+ Đối với doanh thu cho doanh nghiệp C và doanh nghiệp D thuê văn phòng, chi phí xây dựng được phân bổ để xác định lợi tức chịu thuế là:

$$\text{Chi phí xây dựng} = (1.250\text{USD/m}^2 \times 1.000\text{m}^2) \times 2 = 2.500.000\text{USD}.$$

Trường hợp trong năm tính thuế có các hạng mục công trình chưa xác định được các chi phí xây dựng thực tế thì chi phí của các hạng mục này được tạm xác định trên cơ sở dự toán chi phí theo giải trình kinh tế kỹ thuật và phân bổ cho diện tích cho thuê thu tiền một lần. Khi hoàn thành quyết toán công trình sẽ tính toán lại chi phí xây dựng theo thực tế, mọi chênh lệch giữa chi phí xây dựng thực tế và chi phí theo dự toán được điều chỉnh vào kết quả kinh doanh của năm tài chính tiếp theo năm công trình hoàn thành.

\* Các chi phí khác phát sinh trong năm phân bổ cho phần doanh thu thu tiền trước, cụ thể:

Chi phí phát sinh trong năm phân bổ cho doanh thu thu tiền trước	=	Tổng các khoản chi phí khác phát sinh trong năm tính thuế	x	Doanh thu thu tiền trước
		Tổng doanh thu phát sinh trong năm		

- Trường hợp các doanh nghiệp kinh doanh cơ sở hạ tầng, cho thuê nhà, văn phòng đang trong thời gian được hưởng ưu đãi về thuế thì lợi tức chịu thuế của doanh thu thu tiền trước được xác định như sau:

Lợi tức chịu thuế của doanh thu thu tiền trước	=	Lợi tức chịu thuế đối với doanh thu thu tiền trước	x	$\left( \begin{array}{l} \text{Số năm thu tiền trước} \\ \text{Số năm được miễn thuế} \end{array} \right)$
		Số năm thu tiền trước		

Trong đó:

Số năm được miễn thuế	=	Số năm miễn thuế theo giấy phép đầu tư	-	Số năm tính từ năm doanh nghiệp có lãi
-----------------------	---	--	---	--

Hai năm được giảm thuế tính bằng một năm miễn thuế.

5. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký và áp dụng đối với việc quyết toán thuế lợi tức từ năm 1997. Những quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
*Thủ trưởng*

VŨ MỘNG GIAO

**THÔNG TƯ số 49/1998/TT-BTC ngày 13-4-1998 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 66-TT/LB ngày 12-8-1994 về hướng dẫn sửa đổi mức thu phí, lệ phí lãnh sự quy định tại Thông tư số 83-TT/LB ngày 4-10-1993.**

Thi hành Nghị định số 189-HĐBT ngày 4-6-1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Lãnh sự, Bộ Tài chính và Bộ Ngoại giao đã ban hành Thông tư số 83-TT/LB ngày 4-10-1993 quy định chế độ thu phí, lệ phí lãnh sự ở nước ngoài và Thông tư số 66-TT/LB ngày 12-8-1994 sửa đổi mức thu phí, lệ phí lãnh sự tại Thông tư số 83-TT/LB ngày 4-10-1993;

Để thi hành Quyết định số 767-TTg ngày 17-9-1997 của Thủ tướng Chính phủ về một số chủ trương, chính sách đối với cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài và theo đề nghị của Bộ Ngoại giao tại Công văn số 304-NG/UBND ngày 16-3-1998, Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung,